

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày 14 tháng 5 năm 2021

V/v “Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ**

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu H và ông Nguyễn Văn H

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc H - Thư ký TAND huyện QV

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QV, tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Ph – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện QV, Tỉnh BN mở phiên tòa C khai xét xử sơ thẩm vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thụ lý số 131/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST- HNGĐ ngày 29/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1983 (Có mặt)

STQ: Thôn HĐ, xã HQ, huyện QV, tỉnh BN

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1979 (Có mặt)

STQ: Thôn HĐ, xã HQ, huyện QV, tỉnh BN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào tháng 8/2001. Trước khi cưới, anh chị được tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã HQ cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống cùng nhau hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng về quan điểm sống, cách sống. Anh C không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và có con riêng. Sau nhiều lần chị bỏ qua, nhắc nhở nhưng anh C không sửa chữa, từ bỏ dẫn đến đời sống của vợ chồng càng mâu thuẫn và không có hạnh phúc. Tháng 7/2019, chị đã về nhà để sinh sống, trong thời gian ly thân, giữa chị và anh C không có biện pháp nào để đoàn tụ. Nay chị nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Vợ chồng sinh được 03 con chung là Nguyễn Ngọc Minh, sinh ngày 29/9/2002, Nguyễn Văn Vương, sinh ngày 03/01/2006 và Nguyễn Thùy Linh, sinh ngày 17/10/2008. Hiện cháu Minh đã trưởng thành nên cháu có nguyện

vọng ở với ai là do cháu quyết định. Đối với cháu Vương và cháu Linh, chị có ý kiến các cháu có nguyện vọng ở với ai thì chị cũng đồng ý. Cấp dưỡng nuôi con, chị sẽ có trách nhiệm theo khả năng và điều kiện của chị trên cơ sở tự nguyện và không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, C nợ, C sức:* Vợ chồng tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 24/02/2021 và các lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh kết hôn với chị Lê Thị L trên cơ sở tự nguyện và có hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cách sống dẫn đến đời sống hôn nhân không có hạnh phúc. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân và không còn khả năng đoàn tụ. Do đó, chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L chỉ cần chị L cùng anh xác nhận C nợ của vợ chồng.

- *Về con chung:* Vợ chồng sinh được 03 con chung là Nguyễn Ngọc Minh, sinh ngày 29/9/2002, Nguyễn Văn Vương, sinh ngày 03/01/2006 và Nguyễn Thùy Linh, sinh ngày 17/10/2008. Hiện cả ba con chung đang ở với anh. Hiện cháu Minh đã trưởng thành nên cháu ở với ai là do cháu quyết định còn cháu Vương và Linh anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung. Cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị L phải đóng góp.

- *Về tài sản chung:*

Trong thời gian chung sống vợ chồng đã tạo lập được khối tài sản chung gồm: 01 xe ô tô Laceti đời 2010, BKS 98 H- 1998, giá trị hiện tại khoảng 180.000.000đ; 01 bộ bàn ghế khi mua là 70.000.000đ; Một số tôn đã được tháo ra từ nhà xưởng và bát đĩa, khay thìa, tủ cơm...(Một số đồ dùng phục vụ bếp ăn C nghiệp). Toàn bộ số tài sản này hiện anh đang quản lý và sử dụng. Anh có nguyện vọng được chia cho chị L, chị L nhận tài sản nào thì anh giao cho chị L sử dụng tài sản đó. Anh xác nhận đây là ý kiến, quan điểm của anh và anh không đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ tài sản.

Về nợ: Theo anh đến thời điểm chị L về nhà ở thì vợ chồng còn nợ số tiền của nhà cung cấp là 1.506.000.000đ (Một tỷ năm trăm linh sáu triệu đồng). Số tiền này không phải nhà cung cấp cho anh chị vay mà họ đưa tiền trước cho anh chị và anh chị sử dụng số vốn của họ để làm ăn. Do không phải là tiền vay nên họ không có nghĩa vụ phải đòi.

Anh đề nghị chị L xác nhận là trong thời gian chung sống vợ chồng có số nợ trên với nhà cung cấp. Nguyện vọng của anh chỉ cần chị L xác nhận có nợ nhà cung cấp còn anh không yêu cầu chị L phải cùng anh trả số nợ này và anh cũng không đề nghị Tòa án giải quyết khoản nợ tiền nhà cung cấp của vợ chồng anh.

C sức: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận C khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tại các buổi hòa giải, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn.

Tại phiên toà hôm nay, chị Lê Thị L giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh C và được anh C đồng ý với điều kiện chị L phải cùng anh xác nhận các khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân trước khi vợ chồng sống ly thân nhwung chị L không đồng ý xác nhận. Tuy nhiên, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản và C nợ của vợ chồng.

Đại diện VKSND huyện QV tham gia phiên toà nhận xét:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử C khai bằng lời nói và L tục.

Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay thực hiện chưa nghiêm túc quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 29/4/2021, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: C nhận sự thỏa thuận của đương sự, giao con chung là Nguyễn Văn Vương, sinh ngày 03/01/2006 và Nguyễn Thùy Linh, sinh ngày 17/10/2008 cho anh Nguyễn Văn C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Tài sản chung, C nợ, C sức: Mặc dù anh C có kê khai tài sản và khoản nợ chung của vợ chồng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh C có quan điểm chỉ đề nghị chị L cùng anh xác nhận còn anh không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung này nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã HQ cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 28/9/2001, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống cùng nhau hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cách sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Chị L khai anh C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và có con riêng, chị cũng nuôi con riêng của anh C từ khi cháu 06 tháng tuổi đến năm 2019. Tại phiên tòa anh C cũng thừa nhận, do chị L không dành tình cảm cho anh nên anh mới tìm hạnh phúc ở người phụ nữ khác và có với nhau 01 con chung. Từ tháng 7/2019 đến nay chị L đã về nhà đẻ sinh

sống và vợ chồng cũng sống ly thân và không có biện pháp đoàn tụ từ đó cho đến nay. Hiện tại cả hai bên cùng xác định anh C đang chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác. Do đó, chị L làm đơn ly hôn, anh C đồng ý nhưng với điều kiện chị L cùng anh xác nhận các khoản nợ của vợ chồng trước khi sống ly thân.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh C đã được các bên đương sự và địa phương xác nhận nên đây là sự thật. Trong thời gian chung sống các bên đã không tìm được sự cảm thông, chia sẻ mà phát sinh nhiều mâu thuẫn làm mất dần lòng tin và sự tôn trọng lẫn nhau. Hiện tại, vợ chồng đang sống ly thân và cùng xác định không thể về đoàn tụ. Xét mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên để ổn định cuộc sống của hai bên cần xử cho chị L được ly hôn với anh C là phù hợp.

- Con chung: Xác nhận vợ chồng có sinh được 03 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 29/9/2002, Nguyễn Văn V, sinh ngày 03/01/2006 và Nguyễn Thùy L, sinh ngày 17/10/2008. Hiện cháu Nguyễn Ngọc M đã trưởng thành nên anh chị cùng xác định cháu ở với ai là do cháu quyết định. Riêng cháu Vương và Linh hiện đang ở với anh C. Khi ly hôn, anh C có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung, ngoài ra cháu Vương và cháu Linh đều có nguyện vọng ở với anh C và chị L nhất trí. Do đó cần C nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao con chung là Nguyễn Văn V, sinh ngày 03/01/2006 và Nguyễn Thùy L, sinh ngày 17/10/2008 cho anh Nguyễn Văn C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con anh C không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Tài sản chung, C nợ: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh C xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có tạo lập được khối tài sản như sau: 01 xe ô tô Laceti đời 2010, BKS 98H- 1998, giá trị hiện tại khoảng 180.000.000đ; 01 bộ bàn ghế khi mua là 70.000.000đ; Một số tôn đã được tháo ra từ nhà xưởng và bát đĩa, khay thìa, tủ cơm...(Một số đồ dùng phục vụ bếp ăn C nghiệp). Toàn bộ số tài sản này hiện anh đang quản lý và sử dụng. Anh có nguyện vọng được chia cho chị L, chị L nhận tài sản nào thì anh giao cho sử dụng tài sản đó.

Về nợ: Theo anh đến thời điểm chị L về nhà để ở thì vợ chồng còn nợ số tiền của nhà cung cấp là 1.506.000.000đ (Một tỷ năm trăm linh sáu triệu đồng). Số tiền này không phải nhà cung cấp cho anh chị vay mà họ đưa tiền trước cho anh chị và anh chị sử dụng số vốn của họ để làm ăn. Do không phải là tiền vay nên họ không có nghĩa vụ phải đòi. Anh đề nghị chị L xác nhận là trong thời gian chung sống có số nợ chung ở trên. Nguyện vọng của anh chỉ cần chị L có xác nhận vợ chồng có nợ nhà cung cấp còn anh không yêu cầu chị L phải cùng anh trả số nợ này.

Tuy nhiên, về tài sản chung và C nợ, anh xác định đây chỉ là nguyện vọng, ý kiến của anh và anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh C chỉ kê khai nhằm mục đích để chị L xác nhận tài sản chung và nợ chung cùng anh và anh thể hiện rõ quan điểm không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết là phù hợp. Khi nào anh chị phát sinh tranh chấp sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Về C sức: Chị L và anh C đều xác nhận không có.

- Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Con chung: Giao con chung Nguyễn Văn V, sinh ngày 03/01/2006 và Nguyễn Thùy L, sinh ngày 17/10/2008 cho anh Nguyễn Văn C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Chị L có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật và không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, C nợ, C sức: Không đặt ra giải quyết.

Án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2020/0002565 ngày 22/01/2021 của Chi cục THA dân sự huyện QV, tỉnh BN.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BN;
- VKSND huyện QV;
- Chi cục THA huyện QV;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị L